|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT KON TUM**TRƯỜNG THPT DUY TÂN**ĐỀ CHÍNH THỨC*(Đề kiểm tra có 03 trang)* | **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I, NĂM 2024-2025****Môn: ĐỊA LÍ, Lớp: 12***Thời gian làm bài:45 phút, không kể thời gian phát đề* |

*Họ, tên học sinh:…………………………………*

**Mã đề: 122**

*Số báo danh:………………..…….………………*

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực công nghiệp và xây dựng ở nước ta không diễn ra theo xu hướng nào sau đây?

 **A.** Đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với thị trường.

 **B.** Ứng dụng khoa học - công nghệ và sáng tạo.

 **C.** Tăng tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng cao.

 **D.** Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp chế biến.

**Câu 2.** Hình thức sản xuất chủ yếu nào sau đây đưa nông nghiệp nước ta lên nền sản xuất hàng hóa?

 **A.** Hợp tác xã. **B.** Hộ gia đình. **C.** Nông trường. **D.** Trang trại.

**Câu 3.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

 **A.** cây ăn quả. **B.** cây lương thực. **C.** cây rau đậu. **D.** cây công nghiệp.

**Câu 4.** Khó khăn tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động khai thác hải sản xa bờ của nước ta?

 **A.** Hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt. **B.** Môi trường biển và hải đảo ô nhiễm.

 **C.** Hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc. **D.** Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới.

**Câu 5.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

 **A.** đường bờ biển dài, nhiều ngư trường. **B.** nhiều sông suối, chế độ nước theo mùa.

 **C.** nhiều sông, ao hồ, bãi triều, vũng, vịnh. **D.** có nhiều hồ thủy điện, nhiều thác ghềnh.

**Câu 6.** Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất ở nước ta là

 **A.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên. **B.** Đông nam Bộ và Tây Nguyên.

 **C.** Đông nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ. **D.** Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 7.** Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là

 **A.** nguồn nước. **B.** đất feralit.

NDL

 **C.** địa hình đa dạng. **D.** khí hậu nhiệt đới.

**Câu 8.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho thành phần kinh tế Nhà nước giữa vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

 **A.** Chi phối tất cả các thành phần kinh tế khác.

 **B.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

 **C.** Số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất.

 **D.** Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.

**Câu 9.** Vùng nào sau đây có nhiều điều kiện thuận lợi nhất để nuôi trồng thuỷ sản?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 10.** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế nước ta hiện nay?

 **A.** Giảm tỉ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, tăng công nghiệp - xây dựng.

 **B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất, tiến hành đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.

 **C.** Xác định cơ cấu kinh tế hợp lí, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

 **D.** Hình thành các vùng động lực phát triển và các vùng trọng điểm về kinh tế.

**Câu 11.** Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.

 **B.** tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

 **C.** giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành dịch vụ và công nghiệp.

 **D.** tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.

**Câu 12.** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

 **A.** khai thác hiệu quả tài nguyên. **B.** tăng cường hội nhập quốc tế.

 **C.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. **D.** sử dụng hợp lí nguồn lao động.

**Câu 13.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, tỉ trọng ngành thủy sản có xu hướng

 **A.** ổn định. **B.** giảm. **C.** tăng. **D.** biến động.

**Câu 14.** Biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay là

 **A.** trồng rừng trên đất trống, đồi trọc. **B.** hạn chế tình trạng du cư.

 **C.** triển khai Luật Lâm nghiệp. **D.** giao quyền sử dụng, bảo vệ rừng.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta?

 **A.** Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.

 **B.** Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

 **C.** Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

 **D.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

**Câu 16.** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa?

 **A.** Phần lớn sản phẩm sản xuất ra để tiêu dùng tại chỗ.

 **B.** Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng.

 **C.** Hình thành các vùng nông nghiệp chuyên môn hóa.

 **D.** Mỗi địa phương sản xuất nhiều loại sản phẩm.

**Câu 17.** Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

 **A.** Tài nguyên rừng phân bố đều khắp các vùng. **B.** Tỉ lệ che phủ rừng giảm sút nhanh chóng.

 **C.** Trong rừng có nhiều gỗ và lâm sản quý. **D.** Diện tích rừng giàu được phục hồi nhanh.

**Câu 18.** Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng được nâng cao chủ yếu là do

 **A.** những thành tựu trong kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế.

 **B.** mở thêm nhiều các trung tâm đào tạo và hướng nghiệp.

 **C.** phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

 **D.** số lượng lao động trong các công ty liên doanh tăng lên.

NDL

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất trên thế giới. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kì dân số già, chuyển từ xã hội “ già hóa” sang xã hội “già”. Sự thay đổi này không chỉ do giảm tỉ lệ tử vong và tăng tuổi thọ, mà phần lớn là do giảm mạnh tỉ lệ sinh. Tỉ lệ sinh giảm trong những thập kỉ qua đã tác động rất lớn tới cơ cấu dân số của Việt Nam, làm đẩy nhanh tốc độ già hóa dân số.

**a)** Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta đang có sự biến đổi nhanh chóng chủ yếu do thực hiện chính sách dân số, tăng tuổi thọ.

**b)** Số lượng người già tăng cao mang đến nhiều thuận lợi cho phát triển các dịch vụ y tế, giải trí, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất.

**c)** Tuổi thọ tăng lên là kết quả chủ yếu của việc phát triển khoa học kĩ thuật ứng dụng vào trong chăm sóc sức khỏe cho người già.

**d)** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến già hóa dân số ở nước ta hiện nay là kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống cao, tiến bộ của y học.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta đang được phát triển theo chiểu sâu, gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế. Tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp nước ta năm 2021 là hơn 2,6 triệu ha.

**a)** Diện tích cây công nghiệp của nước ta trong những năm gần đây liên tục tăng lên.

**b)** Cơ cấu cây công nghiệp của nước ta đa dạng chủ yếu do những thuận lợi về điều kiện dân cư và lao động.

**c)** Thị trường xuất khẩu mở rộng đã thúc đẩy hoạt động sản xuất cây ăn quả theo hướng hàng hóa ở nước ta.

**d)** Để ổn định sản xuất cây công nghiệp, giải pháp chủ yếu là mở rộng thị trường tiêu thụ, thực hiện xem canh.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021** *(Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Cá nuôi** | **Tôm nuôi** | **Thủy sản khác** |
| 2015 | 3550,7 | 2552,2 | 635,6 |
| 2017 | 3938,7 | 2755,8 | 749,1 |
| 2019 | 4592,0 | 3197,7 | 900,7 |
| 2021 | 4855,4 | 3300,0 | 996,3 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

**a)** Sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta tăng không liên tục trong giai đoạn 2015 - 2021.

**b)** Cá nuôi tăng nhiều nhất và nhanh nhất so với tôm nuôi và thủy sản khác từ 2015 đến 2021.

**c)** Các loại thủy sản nuôi trồng đều có xu hướng tăng nhằm đáp ứng nhu cầu tăng của thị trường.

**d)** Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Việc quy hoạch phát triển các vùng nông nghiệp nhằm khai thác tốt nhất các điều kiện tự nhiên, các điều kiện kinh tế - xã hội cho phát triển và phân bố hợp lí các hoạt động sản xuất nông nghiệp, phục vụ nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

**a)** Nước ta hình thành 7 vùng nông nghiệp trên cơ sở tương đồng về điều kiện tự nhiên và kinh tế các vùng.

**b)** Vùng nông nghiệp có trình độ thâm canh cao nhất là Đồng bằng sông Cửu Long.

**c)** Duyên hải Nam Trung Bộ không thuận lợi cho sản xuất lương thực qui mô lớn do khí hậu khô hạn, đất đai không thích hợp.

**d)** Tây Nguyên có khả năng phát triển các cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới do khí hậu cận xích đạo, đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào.

**Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**GDP của nước ta giai đoạn 2010 – 2020** *(Đơn vị : tỉ đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** |
| Nông nghiệp,lâm nghiệp, thủy sản | 421 253 | 489 989 | 535 022 | 565 987 |
| Công nghiệp,xây dựng | 904 775 | 1 77 887 | 2 561 274 | 2 955 806 |
| Dịch vụ | 1 113 126 | 2 190 376 | 2 955 777 | 3 365 060 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 300 869 | 470 631 | 629 411 | 705 470 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

Cho biết tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp, xây dựng năm 2020 so với năm 2010 cao hơn tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ bao nhiêu % ? *(làm tròn đến 1 chữ số thập phân)*

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích cây công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021** *(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Cây công nghiệp hàng năm | 797,6 | 676,8 | 457,8 | 425,9 |
| Cây công nhiệp lâu năm | 2015,5 | 2150,5 | 2185,8 | 2200,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

Tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm năm 2021 chiếm bao nhiêu % tổng diện tích cây công nghiệp? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)*

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA NƯỚC TA

PHÂN THEO VÙNG, NĂM 2022

*Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Trung du và miền núi Bắc Bộ** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung** | **Tây Nguyên** | **Đông Nam Bộ** | **Đồng bằng sông** **Cửu Long** |
| Sản lượng | 5,1 | 6,2 | 7,7 | 2,5 | 1,8 | 23,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng sản lượng lương thực có hạt của nước ta năm 2022 *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu tấn).*

***…………….HẾT……………***